TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2023
"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang và ông Phạm Công Định

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 261/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quang V, sinh năm 1978; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đan Mạch. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Quang V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương vào ngày 24/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì anh V đi lao động tại Đan Mạch. Từ khi đi anh V vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị và các con. Đầu năm 2022, vợ chồng chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Do mỗi lần nói chuyện chị và anh V lại cãi nhau nên từ đó anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Quang V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Tuyết N, sinh ngày 15/11/2012 và Trần Mai Tr, sinh ngày 23/6/2014, hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh V ở Đan Mạch nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh V. Ông Trần Văn C (là bố đẻ anh V) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh V vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh V biết. Quan điểm của anh V là do vợ chồng không còn tình cảm, anh chị đã không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau nên chị T xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Trần Quang V. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Tuyết N, sinh ngày 15/11/2012 và Trần Mai Tr, sinh ngày 23/6/2014 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Quang V hiện đang sinh sống và làm việc tại Đan Mạch, nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh V ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh V đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh V ở Đan Mạch. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn C là bố đẻ anh V để ông C thông tin lại cho anh V biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh V. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh V đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương vào ngày 24/12/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì anh V đi lao động tại Đan Mạch. Thời gian đầu, anh V thường xuyên liên lạc về cho chị T. Năm 2022, anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ đó đến nay chị T và anh V không còn liên lạc với nhau. Nay chị T và anh V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh V đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quang V có 02 con chung là Trần Tuyết N, sinh ngày 15/11/2012 và Trần Mai Tr, sinh ngày 23/6/2014, hiện các con đang ở cùng chị T. Sau khi ly hôn, chị T và anh V đều có quan điểm giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện cháu N và cháu Tr đang ở với chị T, được học tập và phát triển tốt; các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Anh V đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu N và cháu Tr cho chị T nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Trần Quang V.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Tuyết N, sinh ngày 15/11/2012 và Trần Mai Tr, sinh ngày 23/6/2014 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000795 ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Trần Quang V vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất